

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057, ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 04 năm 2011 và số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 3600648493.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty có Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796, ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 58.378.500.000đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh bao bì giấy và giấy;
- Kinh doanh nguyên liệu liên quan đến bao bì giấy và giấy.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

(Phần tiếp theo ở trang 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIỂN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Tỷ lệ khấu hao nhanh
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm	1
+ Máy móc, thiết bị	05 năm	2
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm	2

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên không vượt 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC, ngày 01 tháng 09 năm 2001 của Bộ Tài Chính, Công ty được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối quý	Đầu năm
Tiền mặt	29.855.583	66.603.966
Tiền gửi ngân hàng	9.663.491.712	13.635.229.697
Các khoản tương đương tiền	15.660.000.000	8.000.000.000
Tổng cộng	25.353.347.295	21.701.833.663

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng (5.000.000.000) và kỳ hạn 1 tuần (10.660.000.000), lãi suất 14%/năm.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối quý	Đầu năm
Phải thu khách hàng	100.809.141.064	123.441.641.819
Trả trước cho người bán	1.926.012.217	2.227.199.046
Các khoản phải thu khác	342.355.016	251.767.193
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	103.077.508.297	125.920.608.058
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(313.292.764)	(318.707.632)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	102.764.215.533	125.601.900.426

Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán là các khoản phải thu và trả trước phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. (Chi tiết xem Phụ lục 1)

Giá trị các khoản phải thu đang cầm cố tại ngân hàng là 1.500.000 USD.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối quý	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	54.763.516.577	60.474.294.387
Công cụ, dụng cụ	166.252.994	116.698.590
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	806.428.009
Thành phẩm	-	3.489.647.172
Cộng giá gốc hàng tồn kho	54.929.769.571	64.887.068.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	54.929.769.571	64.887.068.158

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
Tạm ứng	277.539.300	214.205.000
Ký quỹ	-	14.303.030.820
Tổng cộng	277.539.300	14.517.235.820

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	45.199.032.723	125.202.591.710	5.401.526.105	1.933.050.424	177.736.200.962
Mua trong năm	-	2.255.279.776	660.914.745	365.137.727	3.281.332.248
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	45.199.032.723	127.457.871.486	6.062.440.850	2.298.188.151	181.017.533.210
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.466.520.170	102.169.039.962	3.812.111.015	1.627.283.632	122.074.954.779
Khấu hao trong năm	1.481.116.788	5.643.035.964	466.625.350	171.177.482	7.761.955.584
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.947.636.958	107.812.075.926	4.278.736.365	1.798.461.114	129.836.910.363
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	30.732.512.553	23.033.551.748	1.589.415.090	305.766.792	55.661.246.183
Tại ngày cuối kỳ	29.251.395.765	19.645.795.560	1.783.704.485	499.727.037	51.180.622.847

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay tại mục 5.10 của thuyết minh này là 86.539.766.859 đồng.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 99.496.518.220 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán ERP	Phần mềm vi tính khác	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	958.196.000	225.983.200	287.687.889	1.471.867.089
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	958.196.000	225.983.200	287.687.889	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	958.196.000	225.983.200	238.205.321	1.422.384.521
Khấu hao trong năm	-	-	18.555.966	18.555.966
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	958.196.000	225.983.200	256.761.287	1.440.940.487
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	49.482.568	49.482.568
Tại ngày cuối năm	-	-	30.926.602	43.297.246

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.416.199.200 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là khoản chi phí khảo sát liên quan đến việc thành lập Chi nhánh tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

5.8. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ góp vốn là 1%.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa nhà xưởng chờ phân bổ.

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Các khoản vay

	Cuối quý	Đầu năm
Vay ngắn hạn	58.852.664.750	54.019.247.346
Vay dài hạn đến hạn trả	6.491.923.618	13.906.915.102
Vay dài hạn	8.426.451.650	5.271.601.750
Tổng cộng	73.771.040.018	73.197.764.198

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng tài sản cố định với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. (Xem mục 5.5 của Thuyết minh này)

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối quý	Đầu năm
Phải trả người bán	45.294.312.326	99.708.134.550
Người mua trả tiền trước	64.715.200	246.530.790
Tổng cộng	45.359.027.526	99.954.665.340

Phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. (Chi tiết xem Phụ lục 1)

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối quý	Đầu năm
Thuế xuất, nhập khẩu	417.621.785	9.672.721
Thuế thu nhập cá nhân	43.078.939	186.866.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.084.808.498	1.365.584.407
Tổng cộng	1.545.509.222	1.562.123.516

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối quý	Đầu năm
Chi phí vận chuyển tháng 6	1.200.000.000	1.150.000.000
Chi phí khám sức khỏe	75.000.000	
Chi phí khác	39.000.000	133.422.000
Tổng cộng	1.314.000.000	1.283.422.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	31.174.000	-
Cổ tức phải trả		5.813.550.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>138.223.246</u>	<u>155.134.272</u>
Tổng cộng	<u>169.397.246</u>	<u>5.968.684.272</u>

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Cuối quý	Năm trước
Số dư đầu năm	7.559.078.366	4.154.469.574
Trích lập trong năm	429.735.854	5.889.678.372
Sử dụng trong năm	<u>(5.225.322.826)</u>	<u>(2.485.069.580)</u>
Số dư cuối năm	<u>2.763.491.394</u>	<u>7.559.078.366</u>

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	39.000.000.000	-	452.433.639	7.421.886.006	3.200.624.079	10.585.533.440	59.755.609.886
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	39.513.793.312	39.513.793.312
Tăng khác	-	20.108.510	-	3.676.876.622	1.069.840.580	-	4.766.825.712
Giảm khác	-	-	43.793.430	-	(370.464.659)	(23.769.590.898)	(24.096.262.127)
Số dư đầu năm nay	39.000.000.000	20.108.510	(408.640.209)	11.098.762.628	3.900.000.000	26.329.735.854	79.939.966.783
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	24.360.714.574	24.360.714.574
Tăng khác	19.378.500.000	9.689.250.000	-	-	-	-	29.067.750.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(725.735.854)	(725.735.854)
Số dư cuối năm nay	58.378.500.000	9.709.358.510	(408.640.209)	11.098.762.628	3.900.000.000	49.964.714.574	132.642.695.503

(Phân tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	31.229.100.000	53%	20.819.400.000	53%
Đối tượng khác	27.149.400.000	47%	18.180.600.000	47%
Tổng cộng	58.378.500.000	100%	39.000.000.000	100%

5.17.3. Cổ tức

	Quý 2.2011	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	11.764.690.000	11.764.690.000
▪ Cổ tức năm 2008	-	-
▪ Cổ tức năm 2009	-	7.891.590.000
▪ Cổ tức năm 2010	5.813.550.000	3.873.100.000

Cổ tức năm 2010 và dự kiến cổ tức năm 2011 được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông trong năm 2011.

5.17.4. Cổ phần

	Cuối quý	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.837.850	3.900.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.837.850	3.900.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	24.300	24.300
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.813.550	3.875.700
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	13.265.393.241	7.760.930.792
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.837.85	3.873.100
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.282	2.004

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.17.6. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	26.329.735.854	10.585.533.440
Lợi nhuận sau thuế trong năm	24.397.329.005	39.513.793.312
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(1.069.840.580)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(3.676.876.622)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.515.314.932)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(429.735.854)	(374.363.440)
Chia cổ tức	-	(12.397.820.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>(296.000.000)</u>	<u>(735.375.324)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>50.001.329.005</u>	<u>26.329.735.854</u>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Doanh thu bán sản phẩm Carton	133.277.752.862	106.515.989.292
Doanh thu bán sản phẩm Offset	19.960.400.525	15.902.262.633
Doanh thu bán hàng khác	2.821.588.800	3.075.204.120
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	156.059.742.187	125.493.456.045

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	629.412.912	73.845.015
Lãi chênh lệch tỷ giá	282.644.681	190.692.353
Tổng cộng	912.057.593	264.537.368

6.3. Chi phí tài chính

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Chi phí lãi vay	1.882.762.367	1.645.023.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.147.824.012	401.314.304
Tổng cộng	8.030.586.379	2.046.338.028

6.4. Chi phí bán hàng

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Chi phí nhân viên	2.034.167.337	739.044.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.818.193.573	3.067.395.011
Chi phí bằng tiền khác	46.067.999	51.438.415
Tổng cộng	5.898.428.909	3.857.877.926

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Chi phí nhân viên	1.506.518.769	1.138.901.082
Chi phí vật liệu	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.471.456	83.256.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.365.404	199.529.337
Thuế, phí, lệ phí	12.393.546	9.298.546
Chi phí dự phòng	(5.414.868)	388.482.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.762.335	142.808.709
Chi phí bằng tiền khác	942.980.652	893.316.727
Tổng cộng	3.098.077.294	2.855.593.110

6.6. Thu nhập khác

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Thu bồi thường	65.012.321	11.089.469
Phế liệu	128.050.577	56.449.857
Thu nhập khác	42.063.229	18.252.397
Tổng cộng	235.126.127	85.791.723

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.350.201.739	8.645.720.716
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập tính thuế	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	14.350.201.739	8.645.720.716
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	14.301.382.498	7.295.087.171
<i>Thu nhập khác chịu thuế suất 25%</i>	48.819.241	1.350.633.545
Thuế TNDN phải nộp (15%)	2.145.207.375	1.094.263.076
Thuế TNDN được giảm (50%)	1.072.603.687	(547.131.538)
Thuế TNDN phải nộp (25%)	12.204.810	337.658.386
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.084.808.498	884.789.924

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Công ty:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Công ty mẹ

2. Ông Lê Quốc Tuyên

Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Phải thu	314.800.332	261.146.919

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai như sau:

	Quý 2.2011	Quý 2.2010
+ Doanh thu bán hàng	1.152.752.947	1.563.485.680

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 04 năm 2011.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 07 năm 2011

TRƯỞNG BP. KT-TC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Phụ lục 1 : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011

1. Phải thu khách hàng :

	Số tiền
Công ty TNHH Quốc Tế Uniler Việt Nam	38.881.143.770
Công ty Cổ phần bột giặt Net	3.042.419.322
Công ty TNHH Castrol	2.918.481.250
Công ty TNHH NGK Coca-Cola Việt Nam	2.728.732.542
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	2.365.785.719
Công ty TNHH Sabmiller Việt Nam	2.253.817.170
Công ty Kimberly-Clark Việt Nam	1.826.205.923
Công ty TNHH Bayer Việt Nam	1.634.812.572
Công ty Cổ phần công nghiệp Masan	1.523.848.260
Công ty Omron Heal Thcare Manufacturing Việt Nam	1.444.929.233
Công ty Cổ phần thực phẩm và NGK Dona Newtower	1.413.552.979
Công ty TNHH American Home Việt Nam	1.393.022.230
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	1.317.541.609
Công ty Cổ phần Pet Quốc Tế	1.299.947.947
Công ty TNHH Công nghiệp gốm Bạch Mã	1.138.236.528
CN Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa – NM Nhựa số 2	1.076.539.685
Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam	1.068.454.188
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	971.159.507
Công ty Cổ Phần Pin Ấc Quy Miền Nam	930.039.882
Công ty Ritex Việt Nam Co.,LTD	929.572.675
Công ty Cổ phần NGK Chương Dương	914.993.365
Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm Việt Hưng	906.281.580
Công ty Cổ TNHH Quốc tế Cao Nguyên Xanh	892.749.660
Khác	27.936.873.468
Cộng	100.809.141.064

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Trả trước người bán :

	Số tiền
Công ty Chuen Huah Chemical Co.LTD	894.465.000
Công ty Wisdom Machinery Co., LTD	304.301.062
Công ty Ching Feng Machinery Co., LTD	251.593.800
Công ty Martin	196.361.200
Công ty Voith Paper Fabrics	84.271.127
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế XD Sài Gòn Hà Nội	74.000.000
Khác	<u>121.020.028</u>
Cộng	<u>1.926.012.217</u>

3. Phải trả người bán :

	Số tiền
Công ty Hiang Seng Fibre Container Co. LTD	16.612.175.995
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	11.993.113.880
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	1.460.345.444
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	1.382.634.000
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	1.026.072.300
Công ty TNHH Điện Hơi Công Nghiệp Tín Thành	1.021.756.996
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu TM-CN-VT Hùng Duy	953.920.000
Công ty TNHH SX TM An Ca	823.095.933
Công ty TNHH Giấy và Bao Bì Đồng Tiến – CN Bình Dương	613.744.945
Công ty TNHH DV XNK Trường Thịnh	561.947.656
Công ty TNHH TM – DV Việt Ý	423.579.200
Công ty TNHH TM Thịnh Phú	408.256.200
Khác	<u>3.890.791.347</u>
Cộng	<u>45.294.312.326</u>